

Intensifiers			
Trạng từ	Mô tả	Ví dụ với tính từ/trạng từ	Ví dụ với động từ
Very	Nhấn mạnh mức độ cao của tính từ hoặc trạng từ.	She is very happy. (Cô ấy rất vui.)	He very much appreciated your help. (Anh ấy rất cảm kích sự giúp đỡ của bạn.)
Really	Tương tự như "very", dùng để nhấn mạnh hơn.	This is really important. (Điều này thật sự quan trọng.)	I really enjoy this movie. (Tôi thật sự thích bộ phim này.)
Extremely	Chỉ mức độ cao hơn "very".	He is extremely fast. (Anh ấy cực kỳ nhanh.)	She extremely dislikes loud music. (Cô ấy cực kỳ không thích nhạc to.)
Absolutely	Nhấn mạnh một điều gì đó hoàn toàn hoặc một cách tuyệt đối, thường đi với tính từ không có dạng so sánh hơn hoặc nhất.	She is absolutely certain. (Cô ấy hoàn toàn chắc chắn.)	I absolutely agree with you. (Tôi hoàn toàn đồng ý với bạn.)
Totally	Tương tự như "absolutely", chỉ mức độ hoàn toàn.	This is totally unacceptable. (Điều này hoàn toàn không thể chấp nhận.)	They totally forgot about the meeting. (Họ hoàn toàn quên cuộc họp.)
Completely	Chỉ sự hoàn chỉnh, đầy đủ.	I am completely exhausted. (Tôi hoàn toàn kiệt sức.)	She completely understands the situation. (Cô ấy hoàn toàn hiểu tình hình.)
Quite	Có hai mức độ: nhẹ (khá) và mạnh (rất), tùy vào ngữ cảnh và sự nhấn mạnh.	It's quite cold today. (Hôm nay khá lạnh.)	He quite enjoys reading books. (Anh ấy khá thích đọc sách.)
Rather	Thường mang nghĩa tiêu cực hoặc không ngờ, mạnh hơn "quite".	The test was rather difficult. (Bài kiểm tra khá khó.)	She rather dislikes the new policy. (Cô ấy khá không thích chính sách mới.)
So	Dùng để nhấn mạnh, thường xuất hiện trong câu cảm thán.	She was so tired after the trip. (Cô ấy đã rất mệt sau chuyến đi.)	I so want to go there. (Tôi rất muốn đến đó.)
Incredibly	Nhấn mạnh một cách đáng kinh ngạc hoặc bất ngờ.	The view was incredibly beautiful. (Quang cảnh thật đẹp đến khó tin.)	He incredibly managed to finish the task in time. (Anh ấy đã hoàn thành công việc đúng hạn một cách đáng kinh ngạc.)
Highly	Dùng để nhấn mạnh những từ thể hiện ý kiến hoặc đánh giá cao.	It is highly recommended. (Nó được đánh giá rất cao.)	I highly recommend visiting the museum. (Tôi rất khuyến nghị bạn nên thăm viện bảo tàng.)
Seriously	Nhấn mạnh mức độ quan trọng hoặc nghiêm trọng.	You should seriously consider her advice. (Bạn nên cân nhắc lời khuyên của cô ấy một cách nghiêm túc.)	He seriously needs to improve his grades. (Anh ấy thật sự cần cải thiện điểm số của mình.)
Awfully	Mang nghĩa rất, cực kỳ, đôi khi dùng một cách thân mật.	It's awfully hot in here. (Ở đây nóng quá.)	She awfully misses her hometown. (Cô ấy rất nhớ quê nhà.)
Terribly	Dùng để nhấn mạnh một cách tiêu cực, nhưng cũng có thể dùng để thể hiện mức độ cao.	I'm terribly sorry. (Tôi vô cùng xin lỗi.)	He terribly misunderstood the instructions. (Anh ấy hiểu sai hoàn toàn hướng dẫn.)